TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18**/2021/DS-ST
Ngày: 31/5/2021
V/v: "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Lình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Đoàn Thị Huệ

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Văn Bảnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên toà*:** Ông Trần Văn Ý, kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại Phòng xử án Toà án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 197/2020/TLST - DS ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXXST - DS ngày 16/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2021/QĐST - DS ngày 04/5/2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Ngân hàng TMCP SGTT (SCB)**

Trụ sở chính: Lầu 8, số 266 – 268 NKKN, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ chi nhánh: Số 279 - 281 - 283 - 285 đường TP, phường VTV, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Văn D, Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch CT (Kiên Giang) theo văn bản ủy quyền ngày 23/6/2020. (*Có mặt*)

* *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Nghĩa Tr**, sinh năm: 1988. Nơi cư trú: Ấp MH, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. (*Vắng mặt lần 2 không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn anh Trần Văn D trình bày và yêu cầu như sau*: Vào ngày 11/9/2017, giữa SCB và anh Nguyễn Nghĩa Tr có ký hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng JCB Motor Card căn cứ vào thu nhập của anh Tr thì hạn mức sử dụng SCB đồng ý cấp cho anh Tr là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) với mục đích là tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp và kích hoạt thẻ, anh Tr đã thực hiện các giao dịch từ ngày 30/9/2017 đến ngày 30/4/2020 với tổng số tiền là 61.990.000 đồng và đã thanh toán cho SCB với số tiền là 60.754.000 đồng (*trong đó, thanh toán tiền gốc là 51.387.000 đồng và tiền lãi, phí là 9.367.000 đồng*). Qua nhiều lần thực hiện các giao dịch thì anh Tr đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và SCB đã nhắc nhở rất nhiều lần nhưng anh Tr vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01/5/2020 SCB đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ của anh Tr sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 16/3/2021, anh Tr còn nợ tổng cộng là 15.013.267 đồng (*trong đó, tiền gốc là 10.602.590 đồng, tiền lãi quá hạn là 4.410.677 đồng*).

Nay, SCB yêu cầu anh Nguyễn Nghĩa Tr thanh toán ngay số tiền gốc và lãi còn nợ. Đồng thời, anh Tr phải chịu trách nhiệm thanh toán số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán dứt cho SCB.

** Trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Nguyễn Nghĩa Tr vắng mặt, không có lời trình bày.*

Tại phiên tòa:

- *Anh D (đại diện nguyên đơn)*: Yêu cầu anh Nguyễn Nghĩa Tr thanh toán ngay cho SCB số tiền còn nợ tính đến ngày 31/5/2021 với tổng số tiền là 16.060.803 đồng (*Mười sáu triệu, không trăm sáu mươi nghìn, tám trăm lẻ ba đồng*). Trong đó, tiền gốc là 10.062.590 đồng và lãi quá hạn là 5.458.213 đồng. Đồng thời, yêu cầu anh Tr tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết từ ngày 01/6/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ cho SCB.

- *Anh Tr vắng mặt.*

- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm*:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định;

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463 và Điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng

TMCP SGTT (SCB).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (*gọi tắt là HĐXX*) nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT (SCB) về việc buộc bị đơn (*anh Nguyễn Nghĩa Tr cư trú tại ấp MH, xã Đông Hòa*) thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà bị đơn còn nợ nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*".

Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh Tr không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. HĐXX xét thấy, việc vắng mặt của anh Tr không vì sự kiện bất khả kháng hay do điều kiện khác quan nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh Tr.

[2] *Về nội dung trong vụ án:* Vào ngày 11/9/2017, SCB và anh Nguyễn Nghĩa Tr có ký kết hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng JCB Motor Card với hạn mức là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp và kích hoạt thẻ, anh Tr đã thực hiện các giao dịch từ ngày 30/9/2017 đến ngày 30/4/2020 và đã thanh toán cho SCB với số tiền là 60.754.000 đồng (*trong đó, thanh toán tiền gốc là 51.387.000 đồng và tiền lãi, phí là 9.367.000 đồng*). Trong quá trình giao dịch, anh Tr đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và đã được SCB nhắc nhở rất nhiều lần nhưng anh Tr vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01/5/2020 SCB đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ của anh Tr sang nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Nghĩa Tr thanh toán ngay số tiền gốc và lãi còn nợ. Đồng thời, anh Tr phải chịu trách nhiệm thanh toán số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán dứt cho SCB.

2.1 HĐXX xét thấy, lời trình bày và yêu cầu của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp với nhau. Qua xem xét các tài liệu chứng cứ cho thấy, giữa SCB và anh Tr có ký kết hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với nhau và tính đến ngày 31/5/2021 anh Tr còn nợ SCB tổng số tiền gốc và lãi là 16.060.803 đồng (*Mười sáu triệu, không trăm sáu mươi nghìn, tám trăm lẻ ba đồng*) là hoàn toàn có thật.

2.2 HĐXX xét thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án đến anh Tr được biết nhưng đến nay anh Tr không gửi ý kiến của anh đối với yêu cầu của SCB và tại phiên tòa anh Tr vắng mặt không có lời trình bày nên HĐXX không có cơ sở để xem xét ý kiến của anh Tr.

Do đó, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, HĐXX chấp nhận đề nghị đại diện Viện kiểm sát và yêu cầu của SCB. Buộc anh Nguyễn Nghĩa Tr trả cho SCB số tiền gốc và lãi là 16.060.803 đồng (*Mười sáu triệu, không trăm sáu mươi nghìn, tám trăm lẻ ba đồng*). Trong đó, tiền gốc là 10.062.590 đồng và lãi quá hạn là 5.458.213 đồng sau khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, anh Tr tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết từ ngày 01/6/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ cho SCB.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch*:

- Anh Nguyễn Nghĩa Tr phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho SCB (16.060.803 đồng x 5%) là 803.040 đồng.

- Yêu cầu của SCB được chấp nhận nên hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí mà SCB đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc anh Nguyễn Nghĩa Tr trả cho Ngân hàng TMCP SGTT (SCB) số tiền gốc và lãi tính đến ngày 31/5/2021 là 16.060.803 đồng (*Mười sáu triệu, không trăm sáu mươi nghìn, tám trăm lẻ ba đồng*) khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, anh Nguyễn Nghĩa Tr phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết từ ngày 01/6/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Kể từ ngày Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần SGTT (SCB) có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền anh Tr còn nợ và anh Tr phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà anh Tr vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay".

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc anh Nguyễn Nghĩa Tr phải chịu án phí là 803.040 đồng (*Tám trăm lẻ ba nghìn, không trăm bốn mươi đồng*).

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần SGTT (SCB) số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0006148 ngày 27/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*Ngày 31/5/2021*).

Anh Tr vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*).

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Lình